

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 181/2024/HS-ST
Ngày: 02-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thê Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Lý.

Bà Nguyễn Thị Thắm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Triều Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 170/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Ngô Thị N, sinh năm 1996 tại N1. Hộ khẩu thường trú: Xóm 5, xã D2, huyện D3, tỉnh N1; chỗ ở: Số nhà 6/9, hẻm 240, khu phố T5, phường Đ1, thành phố D, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Sỹ H5 và bà Phạm Thị T2; chồng tên Nguyễn Hoàng Tuấn T3; có 02 con sinh năm 2021 và 2023; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2023/HS-ST ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2023/HS-ST ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh T4 xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2023/HS-ST ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B, buộc Ngô Thị N chấp hành hình phạt chung là 02 năm tù.

- Ngày 30/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H5, thành phố H6 ra quyết định khởi tố bị can đối với Ngô Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị hại: Ông Từ Văn H1, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố A1, phường A2, thành phố B1, tỉnh B; vắng mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ông Hoàng Văn H2, sinh năm 1987 và bà Trần Thị Trang T, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: Số 72, Đường B, khu phố N2, phường D1, thành phố D, tỉnh B; có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Minh H3, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 1, đường Đ2, phường T1, thành phố T2, thành phố H5; vắng mặt.

2. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố B3, phường B4, thành phố T5, tỉnh B; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Hoàng H4, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố B6, phường D, thành phố D, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đề có tiền tiêu xài, Ngô Thị N đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của người khác như sau:

Ngày 03/4/2022, N vào mạng xã hội facebook thấy tài khoản “NPP H1 Yên” của ông Từ Văn H1 đăng thông tin cần mua bia, nước ngọt với số lượng lớn nên N lấy số điện thoại để kết bạn zalo. Ngày 04/4/2022, N sử dụng tài khoản zalo “culysaigonpho” kết bạn với ông H1. N giới thiệu là người của Công ty TLC - Chi nhánh B ở phường Đ2, thành phố D, tỉnh B, chuyên cung cấp bia và nước ngọt. N nói ông H1 liên hệ với kế toán của công ty có số điện thoại 0937394417. N tiếp tục dùng tài khoản zalo “Milk Lê” kết bạn Zalo với ông H1. N giới thiệu là kế toán Công ty TLC chào bán bia Tiger xanh với giá 352.000 đồng/thùng. Ông H1 đồng ý mua số lượng 1.000 thùng bia với số tiền 352.000.000 đồng. N nói ông H1 gửi vị trí kho của ông H1 để N đến kiểm tra. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 05/4/2022, N thuê ông Nguyễn Hoàng H4 điều khiển xe ô tô hiệu Xpander màu trắng, biển số 50E-013.62 chở N đi từ thành phố D đến kho của ông H1 tại khu phố A1, phường A2, thành phố B1, tỉnh B. Sau khi xem kho, N hẹn ông H1 ngày 07/4/2022 sẽ giao bia.

Sau khi thỏa thuận với ông H1 xong, N tiếp tục lên mạng xã hội facebook tìm kiếm thì thấy tài khoản “H2 T” của ông Hoàng Văn H2 có đăng thông tin bán bia nên N lấy thông tin để liên hệ. Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 07/4/2022, N dùng tài khoản zalo “Milk Lê” nhắn tin cho ông H2 hỏi mua 1.000 thùng bia Tiger xanh. Ông H2 báo giá 360.000 đồng/thùng. N nói ông H2 gửi vị trí kho của ông H2 để N đến xem bia. Khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, N nói H4 điều khiển xe ô tô biển số 50F-013.62 chở N đến kho của ông H2 tại K2, phường M, thành phố B1, tỉnh B. N và ông H2 thỏa thuận giá bia Tiger là 360.000 đồng/thùng và sau khi ông H2 giao bia cho N thì N sẽ trả tiền. N gửi vị trí nơi giao bia là kho của ông H1 cho ông H2 nhưng nói với ông H2 là kho của mình và yêu cầu ông H2 chở bia đến. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, N nói H4 điều khiển xe ô tô biển số 50F-013.62 chở N đến kho của ông H1 và nói ông H1 mở cửa kho để N giao bia.

Do tin tưởng việc N sẽ mua bia nên ông H2 nói ông Trần Văn Đ điều khiển xe ô tô tải biển số 611- 028.39 chở 1.000 thùng bia đến nơi N gửi vị trí. Ông H2 dặn ông Đ khi nào người mua chuyển tiền cho ông H2 thì ông Đ mới đi về. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 07/4/2022, ông Đ điều khiển xe ô tô tải đến kho của ông H1. N nói ông Đ chất bia xuống kho, khi ông Đ chất bia xuống được khoảng 800 thùng thì N nói ông H4 điều khiển xe ô tô biển số 50F-013.62 chở N bỏ đi. N điện thoại yêu cầu ông H1 chuyển tiền

vào số tài khoản 200692888 mang tên Ngô Thị N mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội. Ông H1 thấy bia đang được chất xuống kho nên chuyển số tiền 352.000.000 đồng vào tài khoản của N.

Sau khi ông Đ chuyển bia xuống hết liền gọi báo ông Hải. Ông H2 điện thoại cho N yêu cầu chuyển tiền nhưng không liên lạc được. Ông H2 nói ông Đ xin số điện thoại của ông H1 để liên lạc thì được biết ông H1 mua bia của N và đã chuyển tiền cho N. Nghi ngờ bị N lừa đảo nên ông H2 đến kho của ông H1 và yêu cầu ông H1 trả lại bia nhưng ông H1 không đồng ý. Sau đó, ông H1 và ông H2 đến Công an phường A trình báo, vụ việc chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B1 giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 xe ô tô hiệu Xpander, màu trắng biển số 50E-013.62 và 01 USB chứa đoạn video ghi lại hình ảnh Ngô Thị N đến kho của ông Hoàng Văn H2 ngày 07/4/2023.

Tại Cáo trạng số 118/CT-VKSBC ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát truy tố bị cáo Ngô Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Ngô Thị N từ 08 năm tù đến 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Nguyên đơn dân sự yêu cầu bồi thường số tiền 360.000.000 đồng. Do đó, đề nghị buộc bị cáo Ngô Thị N bồi thường cho ông Hoàng Văn H2 số tiền 360.000.0000 đồng”.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Xe ô tô biển số 50E-013.62 do ông Nguyễn Minh H3 đứng tên đăng ký. Ngày 29/3/2022, N thuê xe của ông H3 để làm phương tiện đi lại. Do N không biết lái xe ô tô nên Tê ông Nguyễn Hoàng H4 làm tài xế. Ông H3 và ông H4 không biết việc N thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B1 trả lại xe ô tô biển số 50E-013.62 cho ông Nguyễn Minh H3 là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với 1.000 thùng bia Tiger xanh bị cáo N chiếm đoạt không T hỏi được nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, nguyên đơn dân sự không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B1, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B1, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt không có lý do. Xét sự vắng mặt của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 290 và Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 03/4/2022, bị cáo Ngô Thị N đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối đối với ông Từ Văn H1 là N làm ở công ty chuyên cung cấp bia để ông H1 tin tưởng đồng ý mua 1.000 thùng bia Tiger với số tiền 352.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo nói với ông Hoàng Văn H2 là N muốn mua 1.000 thùng bia Tiger với giá 360.000.000 đồng và gửi vị trí kho bia của ông H1 cho ông H2 nhưng nói là kho bia của N và yêu cầu ông H2 giao bia. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 07/4/2022, trong lúc ông H2 đang giao bia cho N tại kho của ông H1 thì N bỏ đi và yêu cầu ông H1 chuyển tiền mua bia. Ông H1 đã chuyển số tiền 352.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Ngô Thị N.

[4] Xét bị cáo Ngô Thị N đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt của bị hại Từ Văn H1 số tiền 352.000.000 đồng. Do đó, Cáo trạng số 118/CT-VKSBC ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B1 truy tố bị cáo Ngô Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, về nhận thức bị cáo biết rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến tài sản của bị hại. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng là xem thường pháp luật và bất chấp H3 quả. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ mức án bằng hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú và bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Nguyên đơn dân sự gồm ông Hoàng Văn H2 và bà Trần Thị Trang T là những cá nhân bị thiệt hại do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do đó, cần buộc bị cáo Ngô Thị N phải bồi thường số tiền 360.000.0000 đồng cho ông Hoàng Văn H2 và bà Trần Thị Trang T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với xe ô tô biển số 50E-013.62 do ông Nguyễn Minh H3 đứng tên đăng ký. Ngày 29/3/2022, bị cáo N thuê xe của ông H3 để làm phương tiện đi lại và thuê ông Nguyễn Hoàng H4 làm lái xe. Ông H3 và ông H4 không biết N sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B1 đã trả xe ô tô biển số 50E-013.62 cho ông Nguyễn Minh H3 là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với 1.000 thùng bia Tiger xanh bị cáo N chiếm đoạt không thu hồi được nên không đặt ra xem xét.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu theo quy định của pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56 và điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về trách nhiệm hình sự.

Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự về trách nhiệm dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Ngô Thị N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Ngô Thị N 08 (tám) năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2023/HS-ST ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh T4. Buộc bị cáo Ngô Thị N chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 29/9/2022 đến ngày 08/10/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Ngô Thị N bồi thường cho ông Hoàng Văn H2 và bà Trần Thị Trang T số tiền 360.000.0000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đã giải quyết xong.

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị cáo Ngô Thị N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Ngô Thị N phải nộp 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn dân sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bình Dương;
- Công an thành phố Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Bình Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thế Chính